

Số: /2026/QĐ-UBND  
(DỰ THẢO)

Sơn La, ngày tháng năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều Luật giáo dục*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;*

*Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/1/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 – 2030; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/1/2025 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026–2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày ... tháng ... năm 2025; Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP ngày ... tháng ... năm 2025 và Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Báo cáo số .../BC-VPUB ngày ... tháng ... năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định cụ thể địa bàn đối với học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Sơn La.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định cụ thể địa bàn đối với học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Học sinh bán trú của cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

b) Học viên bán trú theo học chương trình giáo dục thường xuyên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày**

1. Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

#### **2. Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông:**

Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

3. Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn:

Nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

4. UBND các xã, phường xác định khoảng cách từ nhà tới trường của học sinh/học viên đảm bảo quy định tại khoản 1, 2, 3 nêu trên quyết định phê duyệt danh sách học sinh, học viên có mặt trên địa bàn xã, phường hưởng chính sách.

5. Ủy quyền Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND các xã phường quyết định danh sách địa bàn cụ thể có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày    tháng    năm 2026 thay thế Quyết định số 93/2025/QĐ-UBND ngày 3/9/2025

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**